

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 07/02/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	420	VSP01	7:25	22	0		22	0	
2	614	TTC2+VSP01+C10	7:25	10+8+4	0+0+0		1+8+13	0+0+0	
3	428	HST+P2	7:25	14+0	0+0		1+18	0+0	
4	424	AMD+ 0303 3	7:25	22+0	0+0		21+1	0+0	MỞ PHÒNG VIP
5	614	AMD+TGTH4+TGTH1	7:25	14+2+3	0+0+0		13+2+4	0+0+0	CHUYEN PUMA
6	420	P6+C10	9:25	12+10	0+0		7+15	0+0	
7	846	TD1+P8	9:25	18+4	0+0		16+6	0+0	
8	428	PVD2+P6	9:25	4+16	0+0		0+22	0+0	
9	424	RP2+ 0303 3+P8	9:25	3+1+16	0+0+0		2+2+18	0+0+0	
10	420	TT1+TTC3+AMD	11:25	5+5+5	0+0+0		7+5+10	0+0+0	
11	846	AMD+HSD+TTC2	11:25	15+1+0	0+0+0		11+0+11	0+0+0	TRANS 4 PAX AMD-HSD

TTDBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng đồng này để xem tất cả các thông báo.

1/TTC2 -4 NGƯỜI ĐI VỀ TRONG NGÀY; 2/AMD-16 NGƯỜI ĐI VỀ TRONG NGÀY 3/2/ VALY 4 BÀN XE KHÔNG NHẬN CHỖ
BẢNG TRỰC THĂNG (4-КОЛЕСНЫЕ ЧЕМА/ЛАНЬ И ПЕРЕВОЗЯТСЯ ВЕРТОЛЕТАМИ С 1-ГО ФЕВРАЛЯ 2018Г.)



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/02/2018	TO: AMD - TGTH4 - TGTH1	AIRCRAFT: 614	ETD: 07:28
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: Hoài - Khánh	ETA: 09:00
XANH-1A			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DƯƠNG CHÍ PHÒNG	AMD	62	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM THANH BÌNH	AMD	99,600	2	15		79	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN NHƯ BẢO CHUÔNG	AMD	94	1	5		81	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM NGỌC THẠCH	AMD	64	1	8	20	58	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN HỮU LUẬT	AMD	97	1	12		72	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ ANH MINH	AMD	61	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
7	LƯU QUY ĐÓN	AMD	60	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ PHONG VIÊN (PVDT)	AMD	59	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐÀO CÔNG BÌNH	AMD	58	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN ĐỨC CUƠNG	AMD	96	1	8		63	KH-THAC	Vietnamese
11	LA NGỌC MẠNH (PVDT)	AMD	98	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG VĂN SAU	AMD	95	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN KHÁC CHÍNH	AMD	63	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN VĂN THUY (PVDT)	AMD	65	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ VĂN TU	TGTH4	83	1	12		60	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐÌNH CỬ	TGTH4	81-82	2	19		62	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM VIỆT ĐỨC	TGTH1	14	1	13		78	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN TRUNG KIẾN (PVDT)	TGTH1	11-12	2	11		82	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN VĂN HOA	TGTH1	13	1	3		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	14	15	94	952	20	13		
2	TGTH4	2	3	31	122	0	2		
3	TGTH1	3	4	27	230	0	4		
TOTAL		19	22	152	1.304	20	19		
WEIGHT KG				152	1.304	20			

GRAND TOAL: 1.476 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/02/2018	TO: VSP01	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: Nam - TRƯỜNG - Luy	ETA: 09:10
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ROMANOV	VSP01	61	1	9		110	KH-THAC	Russian
2	PHAN TAT THANG	VSP01	73	1	4		65	YTE	Vietnamese
3	TRUBOCHKIN	VSP01	60	1	10		81	KH-THAC	Russian
4	LE QUANG HUY	VSP01	56	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
5	LE VAN LINH	VSP01	70-71	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAM VAN DUC	VSP01	58-59	2	9		64	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN VAN SON	VSP01	54	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN VAN CHAU	VSP01	75	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN THANH TUNG	VSP01	63	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN VAN TRUONG	VSP01	72	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
11	HUYNH HAI	VSP01	57	1	10		92	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐANG ĐỨC ANH	VSP01					62	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN XUAN THUY	VSP01					69	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN TRỌNG THỨC	VSP01	67	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN QUỐC TUAN	VSP01	55	1	2		67	KH-THAC	Vietnamese
16	TÔ HÙNG DŨNG	VSP01	64	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
17	BORVINSKY	VSP01	74	1	10		78	KH-THAC	Russian
18	NGUYEN TIEN DUNG	VSP01	62	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN ĐỨC THIỆN	VSP01	68-69	2	10		64	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN VAN THANH	VSP01	65	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
21	HOANG PHUC LUONG	VSP01	66	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAN THANH HA	VSP01					68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	22	22	124	1.594	0	22		
	TOTAL	22	22	124	1.594	0	22		
	WEIGHT KG			124	1.594	0			

GRAND TOAL: 1.718 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/02/2018	TO: HST - P2	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:40
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - MMinh - Vũ	ETA: 09:20
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU HOANG TAN	HST	55	1	7		92	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN QUOC DAI	HST	59-60	2	17		80	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG MINH DUNG	HST	58	1	12		83	KH-THAC	Vietnamese
4	DOAN MINH HUONG	HST	54	1	9		62	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM VAN SANG	HST	53	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese
6	DAO ANH HUYNH	HST	99	1	8		66	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN HAI DANG	HST	56	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN DUNG	HST	57	1	12		57	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN TIEN QUY	HST	52	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
10	DOAN PHUC HOANG	HST	47	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
11	VU DINH HOP	HST	48-49	2	13		77	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN THANH CUONG	HST	50-51	2	11		73	KH-THAC	Vietnamese
13	LE HUY BAC	HST	98	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
14	HY TAC SANG	HST	97	1	12		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	HST	14	17	147	1.027	0	1		
2	P2	0	0	0	0	0	19		
TOTAL		14	17	147	1.027	0	20		
WEIGHT KG				147	1.027	0			

GRAND TOAL: 1.174 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07-Feb-18	TO: AMD - CTK3	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:50
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: MTHANG - VTHU - CUONG - TDUNG	ETA: 09:30
VIP + NAU 1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN ANH PHONG *	AMD					75	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAM TUAN DUONG *	AMD					62	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN MINH CHUNG *	AMD					66	KH-THAC	Vietnamese
4	LE THI MY HANH *	AMD					61	KH-THAC	Vietnamese
5	ZAINAL.MUCHTADIN *	AMD	64	1	5		68	KH-THAC	Indian
6	MARK NEWBY *	AMD	70	1	5		85	KH-THAC	Australian
7	ANTHONY JOSEPH ROCHE *	AMD					92	KH-THAC	Australian
8	PHAM THI THUY *	AMD					65	KH-THAC	Vietnamese
9	CHOOMPNUIT *	AMD					62	KH-THAC	Malaysian
10	NGUYEN TIEN LOI *	AMD	65	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
11	NGO NHAT LINH *	AMD					57	KH-THAC	Vietnamese
12	CAO THI DOAN TRANG *	AMD					55	KH-THAC	Vietnamese
13	HA VAN BICH *	AMD					62	KH-THAC	Vietnamese
14	MARIANO GONZALEZ *GARCIA	AMD					82	KH-THAC	Malaysian
15	LE PHUONG ANH *	AMD	66	1	6		49	KH-THAC	Vietnamese
16	CU XUAN HUY	AMD	68	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
17	HUYNH LE BAO THANH	AMD	69	1	11		58	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN HIEU THAO	AMD	67	1	3		56	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAM VAN PHONG	AMD	61	1	6		72	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN VAN NGHE	AMD	63	1	5		74	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN VAN THI	AMD	62	1	6		62	PSV	Vietnamese
22	DINH HONG THANG	CTK3					70	DHANH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	21	10	60	1.393	0	20		
2	CTK3	1	0	0	70	0	2		
TOTAL		22	10	60	1.463	0	22		
WEIGHT KG				60	1.463	0			

GRAND TOAL: 1.523 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07-Feb-18	TO: TTC2 - VSP01 - CLO	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Hạnh - TTrung - DKHÁNH	ETA: 09:15
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SHEVCHENKO	TTC2	31	1	4		68	DIEUHANH	Russian
2	BUI ANH SON	TTC2					58	KH-THAC	Vietnamese
3	CHU MINH HUNG	TTC2	76	1	3		76	KH-THAC	Vietnamese
4	BAEV	TTC2					85	ANTOAN	Russian
5	PHUNG MINH HIEU	TTC2	75	1	3	80	76	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN NGOC XUAN	TTC2	77	1	4		55	KH-THAC	Vietnamese
7	LE PHUONG	TTC2	81	1	4		52	KH-THAC	Vietnamese
8	LUU VAN AN	TTC2	73	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
9	LY THANH CHUONG	TTC2	300	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN QUANG CANH	TTC2	300,71	2	12		69	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN MANH TUAN	VSP01	98	1	9		72	KH-THAC	Vietnamese
12	LE THANH TUAN	VSP01	48	1	12		72	KH-THAC	Vietnamese
13	HUYNH TAN DUNG	VSP01	45-46	2	12		89	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN DUY ĐONG	VSP01	49	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN THANH LOI	VSP01	50	1	5		81	KH-THAC	Vietnamese
16	TRINH TIEN BINH	VSP01	47	1	10		85	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN TIEN TUE	VSP01	99	1	11		71	KH-THAC	Vietnamese
18	IVANOV	VSP01	14	1	5		93	ANTOAN	Russian
19	BUI DUC TRUNG	CLO	35	1	10		55	KHOAN	Vietnamese
20	PHAM DINH THU	CLO	31-32	2	10		71	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN MANH CUONG	CLO	33	1	10		83	KHOAN	Vietnamese
22	TRAN VAN SAU	CLO	34	1	15		74	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC2	10	9	39	675	80	1		
2	VSP01	8	9	71	634	0	8		
3	CLO	4	5	45	283	0	13		
TOTAL		22	23	155	1.592	80	22		
WEIGHT KG				155	1.592	80			

GRAND TOAL: 1.827 KGS

VSP REP.

[Signature]

VNH REP.

[Signature]

CAPTAIN

[Signature]

Ký tại đây



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/02/2018	TO: P6 - CLO	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: XANH-2	FROM: VT	CREW: Nam - TRƯỜNG - Luy	ETA: 11:20

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN NGÔ HOÀN	P6	92-93	2	12	70	67	YTE	Vietnamese
2	PHAN ANH ĐÔNG	P6	700	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
3	KIRICHENKO S.P	P6	94	1	6		75	KH-THAC	Russian
4	RAMIL KROGHLUYEV	P6	91	1	11		75	KH-THAC	Russian
5	THAI TRỌNG BÌNH	P6	97	1	10		83	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẶNG THỌ TAM	P6	01	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
7	PHƯƠNG VĂN MINH	P6	98-99	2	5		72	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN HỮU NHAN	P6					68	KH-THAC	Vietnamese
9	HÀ DUY ĐÔNG	P6	02	1	3		85	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN NHẬT THANH	P6	95	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐO VĂN TÙNG	P6	03	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐẶNG ĐÌNH HOA	P6	96	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM MINH HOANG	CLO	44	1	4	20	96	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ MINH HIỆP	CLO	53	1	4	16	69	KHOAN	Vietnamese
15	PHAN THANH TAM	CLO	48	1	7		74	KHOAN	Vietnamese
16	BUI TRƯỜNG SINH	CLO					70	KHOAN	Vietnamese
17	LÊ VĂN BÌNH	CLO	47	1	2		63	KHOAN	Vietnamese
18	TRẦN ĐĂNG KHOA	CLO	46	1	4		74	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN TRƯỜNG SƠN	CLO	49-50	2	9		60	KHOAN	Vietnamese
20	PHAN VĂN HỌC	CLO	45	1	2		61	KHOAN	Vietnamese
21	TRẦN VĂN ĐÌNH	CLO	52	1	2		59	KHOAN	Vietnamese
22	ROZGON	CLO	51	1	7		96	KHOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	12	13	75	863	70	7		
2	CLO	10	10	41	722	36	15		
TOTAL		22	23	116	1.585	106	22		
WEIGHT KG				116	1.585	106			

GRAND TOTAL: 1.807 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07-Feb-18	TO: PVD2 - P6	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:50
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - MMinh - Vũ	ETA: 11:30
HONG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN HUNG DUNG	PVD2	81	1	9		73	DIA VLY	Vietnamese
2	LUU DINH TRONG	PVD2	79	1	14		78	DIA VLY	Vietnamese
3	NGUYEN HUU VIET	PVD2	78	1	14		61	DIA VLY	Vietnamese
4	NGUYEN HOANG	PVD2	80	1	5		71	DIA VLY	Vietnamese
5	TRAN HUY THAI	P6	60-61	2	15		78	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAM NGOC AN	P6					69	KH-THAC	Vietnamese
7	DUONG VAN CUONG	P6	57	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN BAO TOAN	P6	51	1	3		76	KH-THAC	Vietnamese
9	LE QUANG MINH	P6					77	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐANG TRỌNG GIAO	P6					64	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN BUI TOAN	P6	62	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG TIEN DUNG	P6	59	1	4		83	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI MANH CUONG	P6	55	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN XUAN KHANH	P6	58	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
15	LE VAN TAI	P6	56	1	4		78	GETRACO	Vietnamese
16	NGUYEN QUANG PHO	P6	63	1	7		58	GETRACO	Vietnamese
17	TRAN DUY HUNG	P6	54	1	4		61	GETRACO	Vietnamese
18	LE VAN HAN	P6	53	1	4		60	GETRACO	Vietnamese
19	TRAN QUANG UY	P6	52	1	5		66	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	4	4	42	283	0	0		
2	P6	15	13	63	1.043	0	22		
TOTAL		19	17	105	1.326	0	22		
WEIGHT KG				105	1.326	0			

GRAND TOAL: 1.431 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/02/2018	TO: RP2 - P10 - P8	AIRCRAFT: 424	ETD: 10:00
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: MTHĂNG - VTHU - CƯỜNG - TDUNG	ETA: 11:30
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN CÔNG HÀ	RP2	39-40	2	14		79	KHOAN	Vietnamese
2	LÊ HỮU HÙNG	RP2	21	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
3	DƯƠNG VĂN SƠN	RP2	61	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
4	PHUNG HA TAI	P8	30-31	2	15		100	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM MINH DŨNG	P8	41	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ ĐỨC HÙNG	P8	43	1	10		88	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN HỒNG	P8	39	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VIỆT PHƯƠNG	P8	47	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM PHƯƠNG NAM	P8	40	1	5		53	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN NHAN	P8	45	1	15		63	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẠO NGUYỄN HÙNG	P8	34	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐẠO TIẾN ĐẠT	P8	26-29	4	20		74	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN ANH TRI	P8					64	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN QUỐC TANH	P8	36	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN KIM CƯỜNG	P8	44	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VINH DŨNG	P8	33	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN TIẾN VŨ	P8	42	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN TRI HÙNG	P8	32	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN BA HOANG	P8	38	1	8		62	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐỖ VĂN MINH	P8	35	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN QUANG HUY	P8	46	1	6		57	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN DINH TU	P8	37	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	3	4	29	219	0	2		
2	P10	0	0	0	0	0	1		
3	P8	19	22	144	1.329	0	18		
TOTAL		22	26	173	1.548	0	21		
WEIGHT KG				173	1.548	0			

GRAND TOAL: 1.721 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/02/2018	TO: TD1 - P8	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:45
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: Hạnh - TTrung - DKHÁNH	ETA: 11:25
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG TUAN ANH	TD1	13	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
2	PHAM VAN HIEU	TD1	19	1	7		67	KHOAN	Vietnamese
3	SMAKOV A.A	TD1	21	1	10		82	KHOAN	Russian
4	PHAM DOI	TD1	17	1	7		73	KHOAN	Vietnamese
5	ĐINH VAN DIEN	TD1	14	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
6	PHAM NGOC DUNG	TD1					70	KHOAN	Vietnamese
7	VU VAN KIEN	TD1	16	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN VIET CHUONG	TD1	20	1	3		63	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN TUAN DAT	TD1	22-23	2	15		73	KHOAN	Vietnamese
10	ĐO MINH DUNG	TD1	09	1	4		66	KHOAN	Vietnamese
11	ĐOAN VAN KHANH	TD1					74	KHOAN	Vietnamese
12	PHAM ĐANG NINH	TD1	18	1	4		56	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN VAN TRONG	TD1	24	1	12	100	75	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN DUY KHANH	TD1	07	1	12		80	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM VAN ĐAM	TD1	10	1	7		70	DVL	Vietnamese
16	VU ANH TRONG	TD1	11-12	2	21		66	DVL	Vietnamese
17	PHAM HONG QUY	TD1	08	1	13		70	DVL	Vietnamese
18	NGUYEN NGOC BAO	TD1	15	1	15		85	DVL	Vietnamese
19	TRAN HUNG LONG	TD1	08	1	3		55	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN THANH TUNG *TT	P8	49	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAM VAN ĐONG	P8	48	1	10	80	80	YTE	Vietnamese
22	LAZAREV A.V	P8	99	1	7		80	KH-THAC	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	19	19	148	1.341	100	16		
2	P8	3	3	22	220	80	6		
TOTAL		22	22	170	1.561	180	22		
WEIGHT KG				170	1.561	180			

GRAND TOAL: 1.911 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07-Feb-18	TO: TTC1 - TTC3 - AMD	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:50
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: Nam - MTHAO - Luy	ETA: 13:30
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH VĂN THANH	TTC1	03	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN LINH HOẠT	TTC1	01	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN SON TUNG	TTC1	04	1	3	55	75	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN XUAN THƯƠNG	TTC1	02	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN HUNG	TTC1	05	1	5		65	GETRACO	Vietnamese
6	CHU ĐỨC HÙNG	TTC3	08	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN BAC	TTC3	10	1	5	35	55	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN BA DUY	TTC3	11	1	4		55	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN TRONG TAN	TTC3	07	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN TRUNG KIẾN	TTC3	09	1	5		65	PSV	Vietnamese
11	TRẦN ĐỨC TRUNG	AMD	72	1	3		50	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ VIỆT THĂNG	AMD	73-74	2	10		63	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM TUẤN ANH	AMD	75-76	2	12		63	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN TRAI	AMD	77	1	13		60	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ XUÂN TUẤN	AMD	71	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC1	5	5	23	361	55	7		
2	TTC3	5	5	20	308	35	5		
3	AMD	5	7	48	296	0	10		
TOTAL		15	17	91	965	90	22		
WEIGHT KG				91	965	90			

GRAND TOAL: 1.146 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/02/2018	TO: AMD - HSD - TTC2	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:55
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: Hạnh - TUYỀN - DKHÁNH	ETA: 13:35
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN MINH	AMD	84	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
2	NGÔ TRI HUNG	AMD	79	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
3	NGÔ VĂN BÁC	AMD	80	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
4	LE HUU HA	AMD	88	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
5	LE VIỆT CUÔNG	AMD	91-92	2	15		75	KH-THAC	Vietnamese
6	HO TRONG HUNG	AMD	89-90	2	10		71	KH-THAC	Vietnamese
7	PHUNG HUU THANG	AMD	93	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
8	LE MINH Y	AMD	94-95	2	15		60	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN NANG	AMD	85	1	8		54	PSV	Vietnamese
10	LE VAN THIEN	AMD	87	1	9		63	PSV	Vietnamese
11	NGUYEN VAN CUONG	AMD	83	1	4		56	PSV	Vietnamese
12	TRẦN CAO TẶNG	AMD	86	1	5		73	PSV	Vietnamese
13	NGUYEN LAM THANG	AMD	78	1	7		89	PSV	Vietnamese
14	PHẠM TUẤN THANH	AMD	81	1	5		75	PSV	Vietnamese
15	TRẦN VĂN TRUNG	AMD	82	1	4		56	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN MẠNH HÙNG	HSD	17-18	2	12		80	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	15	18	118	1.018	0	11	2	CHUYEN 1 PAX AMD SANG HSD
2	HSD	1	2	12	80	0	0		
3	TTC2	0	0	0	0	0	11		
TOTAL		16	20	130	1.098	0	22		
WEIGHT KG				130	1.098	0			

GRAND TOAL: 1.228 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 08/02/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	427	TD2+P1	7:25	14+2	0+0		17+4	0+0	
2	420	JS2+P8	9:25	14+0	0+0		14+7	0+0	

TTBDSX



Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.

1/1 Người bk15 về qua TD2 2/VALY 4 BÁNH XE KHÔNG NHẬN CHỖ BẢNG TRỰC THƯỜNG (4-КОЛЕСНЫЕ ЧЕМАЛАХИ НЕ ПЕРЕВОЗЯТСЯ ВЕРТОЛЕТАМИ С 1-ГО ФЕВРАЛЯ 2018Г.)

[Signature]
CAPTAIN

[Signature]
VNH REP.

[Signature]
VSP REP.

GRAND TOTAL: 1,305 KGS

No.	DESTINATION	PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	ARRIVAL		REMARK
							PAX	CARGO	
1	TD2	14	14	55	995	100	17	4	
2	P1	2	3	24	131	0	21		
TOTAL		16	17	79	1,126	100			
WEIGHT KG				79	1,126	100			

FLIGHT PLAN

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM VAN HUNG	TD2	72	1	5	100	78	KHOAN	Vietnamese
2	CAO DUC HIEN	TD2	70-71	2	10		66	KHOAN	Vietnamese
3	HO VAN HUNG	TD2	63	1	2		66	KHOAN	Vietnamese
4	LE HAI SON	TD2	69	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
5	TRAN VAN TU	TD2	32	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN TIEN QUANG	TD2	68	1	3		71	KHOAN	Vietnamese
7	PHAM VAN MINH	TD2	64	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
8	LE XUAN PHUONG	TD2	66	1	6		69	KHOAN	Vietnamese
9	TRAN VAN HUNG	TD2	61	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
10	LE VINH THUAT	TD2					81	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN TAI THUYET	TD2	65	1	2		50	KHOAN	Vietnamese
12	HO CHI CONG	TD2	67	1	2		77	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN DAI DUONG	TD2	73	1	3		76	GETRACO	Vietnamese
14	NGUYEN VAN SON	TD2	62	1	5		75	YTB	Vietnamese
15	NGUYEN QUOC KHOI	P1	15-16	2	17		65	KH-THAC	Vietnamese
16	LE HONG MINH	P1	14	1	7		66	PSV	Vietnamese

DATE: 08/02/2018	TO: TD2 - P1	AIRCRAFT: 427	ETA: 09:10
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Nam - Trung - THU	ETD: 07:30
XANH-1			

FLIGHT MANIFEST



[Signature]
CAPTAIN

[Signature]
VNH REP.

[Signature]
VSP REP.

GRAND TOTAL: 1,201 KGS

No.	DESTINATION	PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	ARRIVAL		REMARK
							PAX	CARGO	
1	JS2	14	14	104	971	126	14	21	
2	P8	0	0	0	0	0	7	14	
TOTAL		14	14	104	971	126	21		
WEIGHT KG				104	971	126			

FLIGHT PLAN

No.	PAX NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN VAN TIEP	JS2	44	1	12	76	70	KHOAN	Vietnamese
2	DO VAN HUNG	JS2	36	1	6		60	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN VAN KHUE	JS2	39	1	6		67	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN VAN TRI	JS2	40	1	5		88	KHOAN	Vietnamese
5	VU XUAN ANH	JS2	37	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
6	TRAN DUC CUONG	JS2	43	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
7	HOANG CONG THANG	JS2	35	1	3		64	KHOAN	Vietnamese
8	HUYEN KIM LONG	JS2	41	1	6		60	KHOAN	Vietnamese
9	TRAN XUAN THI	JS2	42	1	8	50	56	KHOAN	Vietnamese
10	VO LE DUY TAN	JS2	38	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
11	LE MINH LOI	JS2	87	1	9		70	KHOAN	Vietnamese
12	BUI HUU LOI	JS2	86	1	6		78	KHOAN	Vietnamese
13	PHAM VAN CUONG	JS2	85	1	14		86	KHOAN	Vietnamese
14	DAO THANH HIEU	JS2	88	1	6		75	KHOAN	Vietnamese

DATE: 08/02/2018	TO: JS2 - P8	AIRCRAFT: 420	ETA: 08:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: LBinh - VThang - Huy	ETA: 10:15
CAM-1			



FLIGHT MANIFEST

